

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-PT
Ngày: 22/5/2020
V/v: “Tranh chấp đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Bính.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Liễu;

Bà Đỗ Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lâm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 01/2019/TLPT-DS ngày 02/12/2019 về “Tranh chấp đất đai”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DSST-TC ngày 18/10/2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” của Tòa án nhân dân huyện TĐ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐ-PT ngày 03/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Minh C - Sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Bản HP, xã BB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Ông Phạm Đình H - Sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Bản HP, xã BB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị N- Sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Bản HP, xã BB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu.

- Bà Âu Thị H- Sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Bản HP, xã BB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu.

Người kháng cáo: Ông Đỗ Minh C - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc đất: Vào năm 1989, ông C có nhận chuyển nhượng 2.198 m² đất (trong đó có 489 m² đất thổ cư, 1.700 m² đất vườn) của gia đình ông Phạm Văn T tại bản Bản HP, xã BB, huyện PT, tỉnh Lai Châu. (cũ). Khi nhận chuyển nhượng, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quá trình sử dụng không có tranh chấp với ai. Đến năm 1999 gia đình ông được cấp GCNQSDĐ (thửa số 374, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Bản HP, xã BB, huyện PT, tỉnh Lai Châu. (nay là huyện TĐ), tỉnh Lai Châu.

Quá trình xảy ra tranh chấp:

Năm 2008, gia đình ông xây nhà 02 tầng với tổng diện tích khoảng 140m² trên một phần diện tích đất có trong GCNQSDĐ. Khi xây nhà mi tầng 02 của nhà ông đưa ra so với tường là 18cm. Tại thời điểm đó, anh Phạm Đình H và vợ là Âu Thị H là chủ sử dụng đất liền kề cũng biết và không có ý kiến gì. Ranh giới thửa đất nhà ông với đất nhà anh H, chị H là bờ dâu găng ruộng bậc thang kê đá. Khi xây nhà, ông C đã để lại khoảng 10cm đất mặt đường phân giáp ranh với đất nhà anh H, chị H.

Tháng 04 năm 2019, anh Phạm Đình H, chị Âu Thị H bắt đầu xây nhà trên diện tích đất liền kề với gia đình ông C. Khi anh H làm móng, ông C phát hiện anh H đã xây móng nhà đè lên móng nhà ông khoảng 20cm chiều ngang, kéo dài khoảng 15m chiều dọc hai nhà. Ông C đã có ý kiến yêu cầu anh H, chị H xây cách móng, tường nhà ông ra một đoạn nhưng vợ chồng anh H không nghe và vẫn làm móng đè lên móng nhà ông. Hiện ngôi nhà của anh H, chị H đã xây xong phần thô của ngôi nhà cấp IV, rộng khoảng 120m², phần tường tấm nhà anh H xây đè lên mi nhà bếp đổ mái bằng của hai gia đình là 02 cm, chiều dài tường là 2,19 m. Như vậy, tính cả 10cm chiều ngang mặt đường mà ông đã để lại khi xây nhà vào năm 2008 thì tổng diện tích đất anh H, chị H đã xây lấn sang đất nhà ông là 30cm x 15m = 4,5 m².

Ông C cho rằng móng nhà anh H, chị H xây đè lên móng nhà ông có thể ảnh hưởng đến kết cấu toàn bộ ngôi nhà hai tầng của gia đình ông về sau (Hiện tại, tường nhà ông chưa có hiện tượng nứt nẻ, sụt lún gì). Ông đề nghị đập toàn bộ bức tường nhà anh H, chị H giáp ranh với nhà ông để trả lại diện tích đất đã lấn chiếm.

Bị đơn trình bày:

Nguồn gốc đất: Ngày 27/12/2006, gia đình anh có nhận chuyển nhượng 01 mảnh đất liền kề với hộ ông Đỗ Minh C, trên đất có một ngôi nhà gỗ có địa chỉ tại Bản HP, xã BB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu, tỉnh Lai Châu của ông Lê Văn L và bà Hoàng Thị T. Thời điểm nhận chuyển nhượng, ước lượng chiều ngang mặt đường khoảng từ 10 -11m, chiều dài của đất khoảng 50m mà không đo đạc thực địa. Khi gia đình mua có anh Lê

Đình C làm chứng và UBND xã BB xác nhận. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình anh Hai chị H sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai và hiện chưa làm thủ tục cấp GCNQSDĐ. Ranh giới thửa đất lúc anh H nhận chuyển nhượng giáp với nhà ông C được xác định bởi hàng cây vòng có kẻ đá.

Quá trình xảy ra tranh chấp:

Năm 2008, khi xây nhà hộ ông C không gọi vợ chồng anh H sang để xác định ranh giới và tự ý phá toàn bộ bờ kẻ đá là ranh giới giữa hai gia đình để xây nhà. Anh H cho rằng ông C đã xây hết phần diện tích đất giáp với gia đình anh. Tháng 4 năm 2019, anh H và chị H xây nhà.

Từ khi làm móng cho đến khi tường đang trước xây cao 4,3m gia đình ông C không có ý kiến gì. Khi tường phía sau nhà anh xây cao giáp mi bếp nhà ông C do phần mi bếp nhà ông C có đua sang đất nhà anh khoảng 8cm, anh H có sang bảo với gia đình ông C để cắt phần mi đua sang nhà anh nhưng gia đình ông C không đồng ý. Hai bên xảy ra tranh chấp, do hòa giải tại xã không thành nên ông C đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện TĐ, hiện ngôi nhà đã xây xong phần thô và đang tạm đình chỉ xây dựng.

Quá trình giải quyết vụ án tại TAND huyện TĐ xác định tường nhà tắm của gia đình anh H đè lên mi bếp nhà ông C khoảng 02 cm chiều ngang và 2,19m chiều dài, anh H đã chủ động tháo dỡ toàn bộ bức tường nhà tắm của mình để tường không đè lên mi bếp nhà ông C.

Đối với yêu cầu buộc anh Hai tháo dỡ hoàn toàn bức tường xây giáp với nhà ông C và trả lại 4,5m² đất, anh H không đồng ý, bỏ lể:

Thứ nhất: Khi đào móng để xây nhà, anh H có đào sâu 01 đến 1,4m, quá trình đào không gặp móng nhà ông C. Do đó, anh H khẳng định móng nhà anh không đè lên móng nhà ông C.

Thứ hai: Ngôi nhà anh đang xây dựng tuy là nhà cấp IV nhưng là nhà kiên cố, có khung, cột nay phải tháo dỡ toàn bộ bức tường sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết cấu ngôi nhà đang sắp hoàn thành của gia đình anh.

Trong quá trình xây dựng nhà, anh H khẳng định đã không để ý phần mi tầng hai của ông C có đua sang hướng đất nhà anh khoảng 18cm nên đã xây tường cách tường nhà ông C 15cm. Như vậy, nếu gia đình anh xây lên tầng 02 thì tường nhà anh sẽ đội mi tầng 02 nhà ông C khoảng 03cm chiều ngang và 15m chiều sâu. Anh H chấp nhận bồi thường 562.500 đồng giá trị 4,5m² đất và tự nguyện bồi thường thêm 10.000.000 đồng, không chấp nhận tháo dỡ hoàn toàn bức tường xây giáp với nhà ông C và trả lại 4,5m² đất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ng (vợ ông C) trình bày: Bà cho rằng móng nhà anh H, chị H xây đè lên móng nhà bà, có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết cấu ngôi nhà hai tầng

của gia đình bà. Bà yêu cầu anh H và chị H tháo dỡ toàn bộ bức tường xây cao hơn 4m, dài khoảng 15m sát với nhà bà để trả lại diện tích gia đình anh H đang lấn sang nhà bà.

Chị Âu Thị H (vợ anh H) trình bày: Kết cấu ngôi nhà của vợ chồng chị là kiên cố, đổ khung, cột bê tông cốt thép, nếu phải tháo dỡ toàn bộ bức tường để trả lại 4,5 m² đất cho nhà ông Cần bà Ng sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ ngôi nhà đang xây gây tốn kém tiền bạc cho gia đình chị. Do đó, chị không đồng ý với yêu cầu mà ông C và bà Ng đưa ra.

Những người làm chứng trình bày:

Ông Lê Văn L, bà Hoàng Thị Th đều khai: Ông, bà có chuyển nhượng cho anh H, chị H một mảnh đất có chiều rộng 10m, chiều sâu khoảng 50m từ đường vào giáp rãnh nước đằng sau thửa đất, với tổng diện tích khoảng 400 đến 500m² trên đất có 01 ngôi nhà gỗ 02 gian có bán mái và bếp độc lập với tổng diện tích khoảng 40m² để ở. Khi chuyển nhượng chưa làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ. Đặc điểm thửa đất trước khi chuyển nhượng: Phía Nam giáp đất nhà ông Đỗ Minh C, bà Nguyễn Thị Ng được phân định ranh giới bằng bờ rào cây, có kè một ít đá; phía Bắc giáp nhà ông T, bà D được phân chia ranh giới bằng bờ kè đá. Khi chuyển nhượng không đo đạc, bàn giao thực địa mà chỉ vẽ sơ đồ đất chiều rộng 10m, chiều sâu 50m, có xác nhận của UBND xã BB. Khoảng năm 2008, gia đình ông C có xây nhà, do đất của ông C không vuông góc với mặt đường liên xã BB - NT nên ông C đã chủ động để lại khoảng 01m mặt đường (theo hướng Nam) của phần đất giáp với nhà anh H, chị H. Như vậy, phía trước mảnh đất của gia đình anh H, chị H vẫn còn 01m đất của nhà ông C, bà Ng.

Bà Nguyễn Thị D khai: Nguồn gốc mảnh đất của nhà anh H, chị H là của gia đình bà chuyển nhượng lại cho ông Lê Văn L và bà Hoàng Thị Th có chiều rộng tám mét đường liên xã BB-NT là 10m.

Ông Nguyễn Xuân H khai: Nguồn gốc mảnh đất của anh H và chị H đang sử dụng là của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D chuyển nhượng lại cho ông Lê Văn L, bà Hoàng Thị Th, sau đó ông L, bà Th chuyển nhượng lại cho anh Phạm Đình H và chị Âu Thị H. Tất cả các lần chuyển nhượng đều có xác nhận của UBND xã BB, huyện TĐ. Sau thời điểm nhận chuyển nhượng, các hộ gia đình vẫn sinh sống ổn định, không có tranh chấp cho đến khi anh H, chị H làm nhà. Quá trình giải quyết tranh chấp tại UBND xã BB đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Hiện nay do đất đang có tranh chấp nên việc xây nhà của anh H, chị H đang tạm đình chỉ. Đề nghị Tòa án nhanh chóng giải quyết vụ việc để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp.

Bản án sơ thẩm số 04/2019/DSST-TC ngày 18/10/2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” của Tòa án nhân dân huyện TĐ đã quyết định: Áp dụng Điều 100; Điều 166; Điều 170; Điều 203 của Luật đất đai; Điều 175 của BLDS; Điều 92 Luật nhà ở; Điều 118 Luật xây dựng; khoản 1 Điều 5; khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa

án. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Minh C. Buộc bị đơn ông Phạm Đình H phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 526.500 đồng giá trị 4.5 m² đất thổ cư tại Bản HP, xã BB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc bồi thường cho nguyên đơn thêm 10.000.000 đồng giá trị quyền sử dụng đất. Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất tại vị trí đất đang có tranh chấp là ranh giới hiện tại giữa hai ngôi nhà của nguyên đơn và bị đơn. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo.

Không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên, ngày 29/10/2019 nguyên đơn ông Đỗ Minh C đã kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo đề nghị hộ gia đình anh Phạm Đình H, chị Âu Thị H đập toàn bộ bức tường giáp ranh với nhà ông để trả lại diện tích 4,5m² đất đã lấn chiếm.

Bị đơn anh Phạm Đình H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Âu Thị H đều có ý kiến: Đề nghị HĐXX tạo điều kiện để các bên đương sự được thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Đỗ Minh C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng đều nhất trí.

Kết quả: Các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng dân sự .
- Về việc giải quyết vụ án: Các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:
 - + Căn cứ Điều 300; Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đỗ Minh C, sửa bản án sơ thẩm số 04/2019/DSST-TC ngày 18/10/2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” của Tòa án nhân dân huyện TĐ, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.
 - + Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 của BLTTDS; khoản 2, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xác định mức án phí dân sự phúc thẩm, sơ thẩm đối với các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thụ lý, giải quyết và xét xử đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đơn kháng cáo nộp đúng hạn luật định, hình thức, nội dung kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 272/BLTTDS do đó kháng cáo của ông Đỗ Minh C là hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Tại phiên tòa, các đương sự có mặt tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung vụ án:

Bản án sơ thẩm số 04/2019/DSST-TC ngày 18/10/2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” của Tòa án nhân dân huyện TĐ; các bản khai của nguyên đơn, bị đơn ngày 31/12/2019; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/5/2020 đều thể hiện:

+ Tổng diện tích đo đạc thực tế của gia đình ông Đỗ Minh C ($2.515m^2$) nhiều hơn so với diện tích được ghi trong GCNQSDĐ đã cấp vào năm 1999 cho ông C ($2.189m^2$) là $326m^2$. Tổng diện tích đo đạc thực tế của gia đình anh Phạm Đình H ($569m^2$) nhiều hơn so với diện tích được ghi trong giấy chuyển nhượng lập ngày 27/12/2006 giữa ông Lê Văn L, bà Hoàng Thị Th và anh Phạm Đình H, chị Âu Thị H ($500m^2$) là $69m^2$.

+ Năm 2008, gia đình ông C xây nhà, theo lời khai của ông C, bà Ng tại thời điểm xây nhà ông đã không xây hết đất theo ranh giới mà chủ động để lại khoảng 10cm đất mặt đường giáp ranh với nhà anh H, chị H. Năm 2019, gia đình anh H tiến hành xây nhà, theo lời khai của anh H, chị H thì khi đào móng không gặp móng nhà ông C nên móng nhà anh không thể đề lên móng nhà ông C được. Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/5/2020 thì phần móng giáp ranh giữa nhà ông C với nhà anh H tại vị trí đào là mặt trước của ngôi nhà, hướng đông tiếp giáp đường liên xã BB-NT thể hiện móng nhà anh H lấn sang nhà ông C khoảng 20cm; tại vị trí đào là mặt sau của ngôi nhà, hướng Tây tiếp giáp bờ suối thể hiện móng nhà anh H lấn sang nhà ông C khoảng 30cm. Các bên đương sự, chính quyền địa phương đã cùng chứng kiến và thừa nhận kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ là chính xác, đảm bảo vô tư, khách quan và đúng quy định pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng năm 2019 trong quá trình đào móng do móng nhà anh H đào nông hơn móng nhà ông C nên nên đã vô tình lấn sang đất nhà ông C. Sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ (ngày 08/5/2020) anh H, chị H mới phát hiện ra và thừa nhận là đã vô tình lấn chiếm đất như đã nêu ở trên.

Tại cấp sơ thẩm, Thẩm phán đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ để xác định phần đất lấn chiếm nhưng chỉ xem xét ở phần nổi trên mặt đất nhìn thấy được mà không thực hiện đầy đủ các bước chi tiết theo quy định của pháp luật nên đã không đánh giá được mức độ ảnh hưởng về kết cấu ngôi nhà của gia đình ông C do móng nhà của gia đình anh H lấn sang, đề lên móng nhà ông C, vụ án giải quyết chưa được toàn diện.

Xét kháng cáo của ông Đỗ Minh C: Ông C yêu cầu buộc anh H tháo dỡ hoàn toàn bức tường xây giáp với nhà ông C và trả lại tổng diện tích $4,5m^2$ đất (chiều rộng 0,3m x

15m chiều dài). HĐXX thấy rằng: Yêu cầu của ông C là có căn cứ. Tại phiên tòa, hai bên đã tự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án. Kết quả: anh Phạm Đình H và chị Âu Thị H chấp nhận tháo dỡ toàn bộ bức tường, trả lại 4,5m² đất cho gia đình ông Đỗ Minh C và bà Nguyễn Thị N. Hạn cuối cùng anh H phải tháo dỡ là ngày 15/6/2020. Ông C và bà Ng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông Đỗ Minh C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, anh Phạm Đình H nhất trí. Không bên nào đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Đình H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên căn cứ khoản 2 Điều 148/BLTTDS, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án ông Đỗ Minh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 5; khoản 9 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 148; Điều 157; Điều 293; Điều 300; Điều 308; Điều 309; Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 175 của Bộ luật dân sự; Điều 166; Điều 170; Điều 203 của Luật đất đai; Điều 92 Luật nhà ở; Điều 118 Luật xây dựng; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1]. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm số 04/2019/DSST-TC ngày 18/10/2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” của Tòa án nhân dân huyện TĐ:

[1.1]. Anh Phạm Đình H tự nguyện phá dỡ toàn bộ bức tường nhà đang xây có chiều dài 15m, dời bức tường về phía đất nhà anh H 0.3m tính từ tường nhà ông C để trả lại tổng diện tích 0.3 x 15m = 4.5m² cho hộ gia đình ông Đỗ Minh C và bà Nguyễn Thị Ng. Hạn cuối cùng anh Phạm Đình H phá tháo dỡ là ngày 15/6/2020. Hết thời hạn nêu trên, nếu hộ gia đình anh H không tự nguyện phá dỡ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Ranh giới thửa đất giữa gia đình ông Đỗ Minh C với gia đình anh Phạm Đình H được xác định từ tường nhà ông Đỗ Minh C về phía đất nhà anh Phạm Đình H là 0.3m.

[1.3]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Đỗ Minh C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Anh Phạm Đình H nhất trí. Không bên nào đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Phạm Đình H phải chịu 300.000 đồng án phí

dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn ông Đỗ Minh C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2010/0003797 ngày 31/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TĐ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Minh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho ông Đỗ Minh C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2010/0003729 ngày 29/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TĐ.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 23/5/2020.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất theo lãi suất chậm trả của Ngân hàng nhà nước tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- TAND huyện TĐ;
- VKSND huyện TĐ;
- Chi cục THADS huyện TĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã BB, huyện TĐ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Bùi Ngọc Bính